**VẬT LÝ**

**I. Môi trường truyền âm.**

C1. Hiện tượng: Rung động và lệch ra khỏi vị trí ban đầu chứng tỏ: âm đã được không khí truyền từ mặt trống thứ nhất đến mặt trống thứ hai.

C2. Quả cầu bấc thứ hai có biên độ dao động nhỏ hốn với quả cầu bấc thứ nhất.

Độ to của âm càng giảm khi càng ở xa nguồn âm.

C5. Chứng tỏ âm không truyền qua chân không

\* Kết luận:

Âm có thể truyền qua những môi trường như rắn, lỏng, khí và không thể truyền qua chân không.

Ở các vị trí càng xa nguồn âm thì âm nghe càng nhỏ.

**II. Vận tốc truyền âm.**

Thép truyền âm thanh nhanh nhất, không khí truyền âm thanh kém nhất.

Gỗ là vật rắn truyền âm nhanh, tốt hơn không khí.

C6. Vận tốc truyền âm trong nước nhỏ hơn trong thép lớn hơn trong không khí.

**III. Vận dụng**

***\*Ghi nhớ/SGK.***

C7. Nhờ vào môi trường không khí.

C8. Tuỳ thuộc vào HS

C9. Vì mặt đất truyên âm nhanh hơn không khí

C10. Không vì giữa họ ngăn cách bởi chân không bên ngoài bộ áo, mũ giáp bảo vệ.

**SINH**

**LỚP HÌNH NHỆN**

**Bài 25: NHỆN VÀ SỰ ĐA DẠNG CỦA LỚP HÌNH NHỆN**

***I. Nhện***

**1. Đặc điểm cấu tạo:**

Cơ thể gồm 2 phần: phần đầu – ngực và phần bụng.

\* **Đầu - ngực:**

+ Đôi kìm có tuyến độc: bắt mồi và tự vệ.

+ Đôi chân xúc giác phủ đầy lông: Cảm giác về khứu giác, xúc giác.

+ 4 đôi chân bò: Di chuyển chăng lưới.

\* **Phần bụng:**

+ Phía trước là đôi khe thở : hô hấp.

+ Ở giữa là 1 lỗ sinh dục: sinh sản.

+ Phía sau là các núm tuyến tơ: Sinh ra tơ nhện.

**2.Tập tính:**

- Nhện hoạt động chủ yếu vào ban đêm chăng lưới bắt mồi sống

***II. Sự đa dạng của lớp Hình nhện***

***1. Một số đại diện:*** bọ cạp, cái ghẻ, ve bò...

- Chúng thích sống nơi hang hốc, hoạt động về đêm, rất đa dạng và phong phú.

**2. *Ý nghĩa thực tiễn:***

- Đa số có lợi vì chúng săn bắt sâu bọ có hại. Một số ít gây hại cho người, động vật, thực vật

**LỚP SÂU BỌ**

**Bài 26: CHÂU CHẤU**

***I. Cấu tạo ngoài và di chuyển***

 ***1. Cấu tạo ngoài:***

- Cơ thể gồm 3 phần:

+ Đầu: râu, mắt kép, cơ quan miệng

+ Ngực: 3 đôi chân, 2 đôi cánh

+ Bụng: nhiều đốt, mỗi đốt có 1 đôi lỗ thở

1. **Di chuyển:** bò, nhảy, bay.

***II. Dinh dưỡng***

 - Châu chấu ăn chồi và lá cây.

 - Thức ăn tập trung ở diều, nghiền nhỏ ở dạ dày, tiêu hóa nhờ enzim do ruột tịt tiết ra.

- Hô hấp qua lỗ thở ở mặt bụng.

***III. Sinh sản và phát triển***

- Châu chấu phân tính

- Đẻ trứng thành ổ ở dưới đất

- Phát triển qua biến thái không hoàn toàn.

**NGỮ VĂN**

 **Tiết 49** **MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM**

 (Thạch Lam)

**I. Giới thiệu chung**

**1.Tác giả:**  (1910- 1942)

- Là cây bút văn xuôi đặc sắc, sở

trường về truyện ngắn và tuỳ bút.

**2. Tác phẩm**

- Trích từ tập "Hà Nội băm sáu phố phường"- 1943.

**B. Đọc - hiểu văn bản**

**1. Đọc - chú thích**

**2. Thể loại - bố cục**

- Thể loại: tuỳ bút

- PTBĐ: biểu cảm+ tự sự+ miêu tả+ nghị luận

- Bố cục: 3 phần

**II. Tìm hiểu văn bản**

 **1.Cảm nghĩ về nguồn gốc của cốm**

- Sử dụng một loạt các tính từ.

- Tác giả cảm nhận vẻ đẹp của cốm bằng nhiều giác quan.

- Lời văn trang trọng, tinh tế, giàu cảm xúc, giàu chất thơ.

->Cốm - sản vật của tự nhiên, đất trời là chất quý sạch của trời trong vỏ xanh của hạt lúa non trên những cánh đồng.

- Cốm gắn liền với những kinh nghiệm quý về quy trình, cách thức làm cốm được truyền từ đời này sang đời khác.

=> tình cảm trân trọng và yêu quý đối với cội nguồn của cốm.

**2. Cảm nghĩ về giá trị của cốm**

- Cốm: thứ quà riêng biệt của đất nước.

- Việc dùng cốm làm lễ vật sêu tết thật thích hợp và có ý vị sâu xa.

- Chi tiết chọn lọc gợi nhiều liên tưởng, kỉ niệm

- Cốm gắn liền với phong tục lễ tết thiêng liêng của dt, với ước mong hạnh phúc của con người.

-> Cốm vừa có giá trị tinh  thần vừa có giá trị văn hóa.

-> Niềm tự hào và ý thức thức giữ gìn  cốm

**3. Cảm nghĩ về cách thưởng thức cốm**

- Cách thưởng thức ẩm thực thanh nhã, cao sang, gắn liền với nếp sống thanh lịch của người HN.

- Sáng tạo trong lời văn xen kể và tả chậm rãi, ngẫm nghĩ, mang nặng tính chất tâm tình, nhắc nhở nhẹ nhàng.

**III. Tổng kết: Ghi nhớ sgk**

 ………………………………………………

**Tiết 50:** **CHUẨN MỰC SỬ DỤNG TỪ**

**I. Phân tích ngữ liệu**

**1. Sử dụng từ đúng âm, đúng chính tả**

- Dùi->vùi

- Tập tẹ->bập bẹ

- Khoảng khắc->khoảnh khắc

**2. Sử dụng từ đúng nghĩa**

- Sáng sủa–> tươi đẹp

- Cao cả -> sâu sắc

- Biết -> có

**3. Sử dụng từ đúng tính chất ngữ pháp của từ**

- Hào quang-> hào nhoáng.

- Ăn mặc-> Cách ăn mặc (sự ăn mặc)

- Bỏ với nhiều, thay bằng từ rất thảm hại.

- Giả tạo phồn vinh-> phồn vinh giả tạo.

**4. Sử dụng từ đúng sắc thái biểu cảm, hợp phong cách**

- Lãnh đạo-> cầm đầu.

- Chú hổ -> Con hổ (nó).

**5. Không lạm dụng từ địa phương và từ Hán Việt**

- Dùng từ nhi đồng (HV) câu văn thiếu tự nhiên, không trong sáng.

- Răng (sao), rứa (thế) khó hiểu với người ngoài địa phương.

**III. Luyện tập**

a. Nhỏ nhen -> nhỏ bé (nhỏ) => Sai về nghĩa

b. Thủy mạc -> thủy mặc -> sai chính tả

c. Con gái -> phụ nữ Việt Nam (sắc thái biểu cảm)

 …………………………………………………

**Tiết 51, 52 :** **LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ**

 **I. Vai trò của vốn từ trong giao tiếp**

- Từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ, phải có vốn từ phong phú để chọn những từ chính xác và hay nhất.

**II. Phân loại từ:**

- Từ loại: DT, ĐT, TT, số từ, đại từ, phó từ, lượng từ, chỉ từ, quan hệ từ.

- Cấu tạo: Từ đơn, từ phức (từ ghép – từ láy).

- Về nguồn gốc: Từ thuần Việt, từ vay mượn (Hán Việt)

- Về quan hệ so sánh ý nghĩa: Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.

- Các biện pháp tu từ: So sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá, điệp ngữ, chơi chữ.

**III. Chuẩn mực sử dụng từ**

+ Đúng âm, đúng chính tả.

+Đúng nghĩa

+ Đúng sắc thái biểu cảm, hợp tình huống giao tiếp.

+ Đúng tính chất ngữ pháp của từ

+ Không lạm dụng từ địa phương, từ Hán Việt.

**IV. Luỵên tập.**

1. Bài tập 1:

Nội dung cần sửa (nếu sai)

+ âm, chính tả

+ Về nghĩa

+ Về cấu trúc ngữ pháp

+ Về sắc thái biểu cảm

2. Bài tập 2

- Các nội dung cần sửa như BT1.

VD: a. Hồi phục, khôi phục, khuất phục, khắc phục, phục chế.

b. Lỗi đạo, lãnh đạo, độc đạo, đạo đức, đạo tặc, đạo lý, đạo nghĩa...

3.Bài tập 3

- Cho các từ sau” lẵng lơ, truy nả”

- Chữa” lẳng lơ, truy nã”-> sai chính tả(không phân biệt được thanh(? ) và thanh ngã.

**LỊCH SỬ**

**CHỦ ĐỀ** **ĐẠI VIỆT DƯỚI THỜI NHÀ TRẦN (TIẾT 7)**

 **III. Tình hình kinh tế, văn hóa thời Trần**

**1. Tình hình kinh tế sau chiến tranh:**

**a. Nông nghiệp:**

- Công cuộc khai khẩn đất hoang, củng cố đê điều, Làng xã được thành lập.

- Các vương hầu, quý tộc còn chiêu tập dân nghèo đi khai hoang lập điền trang.

- Nhà Trần ban thái ấp cho quý tộc.

* Ruộng đất công làng xã chiếm phần lớn ruộng đất, là thu nhập chính nhà nước.
* Ruộng đất tư ngày càng nhiều.

**b. Thủ công nghiệp:**

- Thủ công nghiệp do nhà nước trực tiếp quản lí, rất phát triển gồm nhiều ngành nghề: Làm đồ gốm tráng men, dệt vải, chế tạo vũ khí, đóng thuyền đi biển...

-Thủ công nghiệp trong nhân dân rất phổ biến và phát triển: làm gốm, đúc đồng, làm giấy, khắc ván in.... Xuất các làng nghề

 **c. Thương nghiệp:**

-Việc trao đổi buôn bán trong và ngoài nước được đẩy mạnh.

+ Nhiều trung tâm kinh tế được mở ra trong nước, tiêu biểu là Thăng Long

+ Buôn bán với thương nhân nước ngoài được đẩy mạnh qua cảng Vân Đồn

**2. Tình hình xã hội sau chiến tranh:**

- Vương hầu, quý tộc.

- Tầng lớp địa chủ.

- Nông dân.

- Thợ thủ công, thương nhân.

- Nông nô, nô tì.

**CHỦ ĐỀ** **ĐẠI VIỆT DƯỚI THỜI NHÀ TRẦN (TIẾT 8)**

***3/ Văn hóa thời Trần***

**a. Đời sống văn hoá:**

- ***Tín ngưỡng cổ truyền***: phổ biến: thờ cúng tổ tiên và các anh hùng dân tộc...

* ***Đạo Phật***: phát triển nhưng không bằng thời Lý.
* ***Nho giáo:*** ngày càng phát triển, càng đề cao.
* ***Các hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian:*** ca hát, nhảy múa, chèo tuồng, các trò chơi…vẫn duy trì, phát triển.
* ***Tập quán sống giản dị:*** đi chân đất, áo quần đơn giản rất phổ biến.

 **b. Văn học:**

* Văn học chữ Hán phát triển mạnh thời Trần.
* Văn học chữ Nôm bước đầu phát triển.

**c. Giáo dục và khoa học – kĩ thuật**

* *Giáo dục:*

+ Quốc tử giám được mở rộng, các lộ, phủ đều có trường học.

 + Các kì thi được tổ chức ngày càng nhiều.

*- Sử học:* năm 1272, tác phẩm Đại Việt sử kí của Lê Văn Hưu ra đời.

 *- Quân sự:* có tác phẩm Binh thư yếu lược của Trần Hưng Đạo.

 *- Y học:* có Tuệ Tĩnh.

 *-* Hồ Nguyên Trừng và các thợ thủ công chế tạo được súng thần công và đóng các loại thuyền lớn,...

d/Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc.

 Các công trình nổi tiếng: Tháp Phổ Minh (Nam Định), thành Tây Đô (Thanh Hoá), tượng hổ, sư tử,…hình rồng khắc trên đá,…

**CÔNG NGHỆ**

**Bài 12,13,14: Chủ đề: SÂU, BỆNH HẠI CÂY TRỒNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ SÂU, BỆNH**

**II. Nguyên tắc và các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại.**

**1. Nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh hại.**

- Phòng là chính

- Trừ sớm, kịp thời, nhanh chóng và triệt để

- Sử dụng tổng hợp các biện pháp phònh trừ.

**2. Các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại.**

***a. Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh hại.***

- Vệ sinh đồng ruộng

 - Làm đất

- Gieo trồng đúng thời vụ.

- Chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí

- Luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên một diện tích đất

- Sử dụng giống chống sâu, bệnh

***b. Biện pháp thủ công***

Dùng tay, vợt, bẩy đèn để bắt sâu

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện.

- Nhược điểm: Tốn công.

***c. Biện pháp hoá học***

Sử dụng thuốc hóa học để diệt trừ sâu, bệnh

- Ưu điểm: diệt sâu bệnh nhanh

- Nhược điểm: Dễ gây ngộ độc cho người, cây trồng, vật nuôi... ô nhiễm môi trường, giết chết các sinh vật khác.

***d. Biện pháp sinh học:***

 - Sử dụng một số sinh vật có ích như: nấm, ong mắt đỏ, bọ rùa, chim, ếch, các chế phẩm sinh học để diệt sâu hại.

***e. Biện pháp kiểm dịch thực vật.***

- Kiểm tra, xử lí nông sản khi xuất, nhập khẩu từ vùng này sang vùng khác, ngăn chặn sự lây lan của sâu bệnh hại nguy hiểm.

**GDCD**

**Bài 9. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HOÁ ( Tiết 2)**

**Nội dung bài học**.

3. Ý nghĩa.

- Gia đình thực sự là tổ ấm nuôi dưỡng, giáo dục mỗi con người.

- Gia đình có bình yên, thì xã hội mới ổn định.

- Xây dựng gia đình văn hoá là góp phần xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ.

\* HS làm bài tập sách giáo khoa

\* Vân dụng

? *Nếu trong trường có bạn rủ em trốn học đi chơi và sử sụng ma túy em làm gì*